

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 5 - 2020

V/v: "Ly hôn giữa chị Hải và anh T".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phần;

Ông Vũ Xuân Thùy.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Không Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 19A, xã K, huyện X, tỉnh Nam Định.

3. *Người làm chứng:* Ông Bùi Văn C; địa chỉ: Xóm 19A, xã K, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Chị Hải có mặt; anh T, ông C vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2020 và lời khai trong quá trình

giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện X, tỉnh Nam Định vào ngày 24/9/2009. Sau khi cưới, vợ chồng về quê chị ở xã H, huyện H sinh sống, làm ăn và chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính T lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ngoài ra còn do anh T ham chơi bài bạc dẫn đến nợ nần, phá tán tài sản, chị đã nhiều lần khuyên bảo anh T nhưng anh T không nghe dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên chị và anh T sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay, anh T đưa 2 con chung về chung sống cùng bố mẹ anh T ở xóm 19A, xã K, huyện X còn chị sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện H. Vợ chồng không quan tâm nhau từ đó. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không còn cơ hội tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Xuân P, sinh ngày 17/01/2012 và Bùi Xuân D, sinh ngày 18/5/2010 hiện cả 02 đang ở cùng anh T. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con Bùi Xuân P, nhường anh T nuôi con Bùi Xuân D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay chị đang làm công nhân của Công ty Goertek tại Bắc Ninh, thu nhập bình quân 8.000.000đ/tháng, vì vậy chị có đủ khả năng để nuôi cháu P.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, cũng không nợ tài sản của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đoàn Thị H.

Người làm chứng là ông Bùi Văn C trình bày: Ông là bố đẻ của anh Bùi Văn T. Việc chị Hải và anh T tự nguyện kết hôn cũng như diễn biến cuộc sống chung vợ chồng như chị Hải trình bày là đúng. Anh T đang đi làm ăn xa, thường xuyên về nhà và hàng tháng gửi tiền về nhờ vợ chồng ông chăm sóc hai con chung vì con chung của anh chị hiện đang ở cùng vợ chồng ông. Sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án, các giấy báo của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đối với anh T và các buổi Tòa án về làm việc ông đều thông báo ngay cho anh T biết nhưng anh T bận không thể về Tòa án làm việc được. Theo ông được biết, ý kiến của anh T con trai ông là cũng nhất trí ly hôn chị Hải và tôn trọng nguyện vọng của 02 con.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ như sau: Về quan hệ hôn nhân, con chung, diễn biến cuộc sống vợ chồng như chị Hải trình bày là đúng. Hiện nay

anh T đi làm ăn xa nên hai con chung của anh chị đang ở cùng bố mẹ đẻ của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị H đối với anh Bùi Văn T; về con chung, giao cháu Bùi Xuân P cho chị Hải trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Xuân D cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đoàn Thị H chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị H và anh Bùi Văn T là hợp pháp, được xác lập từ ngày 24/9/2009. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính T lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị Hải xin ly hôn, anh T mặc dù đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không đến cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án. Điều này chứng tỏ anh T không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với chị Hải. Hơn nữa chị Hải và anh T sống ly thân 2 năm nay, không quan tâm đến nhau. Như vậy anh chị đã không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải chung sống cùng nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào T trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị H đối với anh Bùi Văn T.

[3] Về con chung: Chị Hải và anh T có 02 con chung là Bùi Xuân P, sinh ngày 17/01/2012 và Bùi Xuân D, sinh ngày 18/5/2010 hiện cả 02 con đang ở cùng anh T. Khi ly hôn, chị Hải có nguyện vọng được nuôi con Bùi Xuân P,

nuôi con Bùi Xuân D. Trong khi đó cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu D có nguyện vọng được ở với bố, chị Hải hiện nay có công việc thu nhập ổn định nên có khả năng để nuôi con nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị Hải và cháu P. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung Bùi Xuân P cho chị Hải trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung Bùi Xuân D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị H và anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Xuân P, sinh ngày 17/01/2012 cho chị Đoàn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Bùi Xuân D, sinh ngày 18/5/2010 cho anh Bùi Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Anh Bùi Văn T có trách nhiệm giao con chung Bùi Xuân P cho chị Đoàn Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0001706 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Đoàn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bùi Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Thung